

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24- 02 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức
2. Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiên Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 332, tổ 7, ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* anh Lê Hoài Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 332, tổ 7, ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 7, ấp Bình Ph1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị H yêu cầu vắng mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:*

Về hôn nhân: Ngày 09/02/2009, sau thời gian tìm hiểu với nhau, chị với anh Lê Hoài Th được gia đình đồng ý cho tổ chức lễ cưới. Từ khi thành vợ chồng đến thời điểm nộp đơn yêu cầu ly hôn, chị và anh Th không đăng ký kết hôn.

Đến nay năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do anh Lê Hoài Th lười biếng, không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi khi nhậu về thường kiếm chuyện đập phá chửi mắng và kiếm chuyện ghen tuông kèm theo những lời lẽ nhục mạ. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không sửa đổi nên chị đã dùng cách im lặng. Anh Th nhiều lần uy hiếp sẽ đốt nhà, đe dọa tính mạng chị nên chị xin ba mẹ ngủ riêng và anh Th đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Phú Bình, ly thân từ tháng 04 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhân chị và anh Lê Hoài Th là vợ chồng.

Quá trình chung sống có một con chung tên Lê Hữu Tr, sinh ngày 13/08/2011, hiện đang sống với chị từ khi ly thân đến nay, yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Lê Hoài Th vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh được Ủy ban nhân dân xã Phú Bình và Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xác định: Trích lục sổ bộ lưu kết hôn không tìm thấy tên chị Nguyễn Thị Ngọc H kết hôn với anh Lê Hoài Th.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Hoài Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hoài Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận Chị H và anh Th là vợ chồng. Về con chung: từ khi chị H và anh Th ly thân cho đến nay cháu Lê Hữu Tr, sinh ngày 13/8/2011 có nguyện vọng sống chung chị H. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu Trọng cho chị H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung; nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị

Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Hoài Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng vẫn vắng mặt, chị H có đơn yêu cầu vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh Th tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị H và anh Th không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị H, anh Th là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Quá trình chung sống, chị H và anh Th có một con chung tên Lê Hữu Tr, sinh ngày 13/08/2011 hiện đang sống với chị H từ khi ly thân đến nay. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào

quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Trọng hiện đang sống với chị H, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và có nguyện vọng được sống với chị H. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Tr cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về chia tài sản: Chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lê Hoài Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Tr, sinh ngày 13/08/2011 đến thành niên và tự lập được, anh Lê Hoài Th không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị H, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0004174 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Lê Hoài Th không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhung

